



TỔNG CÔNG TY LILAMA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
LILAMA CORPORATION
ERECTION ELECTROMECHANICS TESTING JOINT STOCK
COMPANY.
434-436 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - TRUNG VĂN - NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI
TEL : 04.35543839 FAX : 04. 35543790
WEBSITE : WWW.EMETC.COM.VN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: Công ty CP Lắp Máy – Thí Nghiệm Cơ Điện
Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- Tên công ty viết bằng tiếng anh: ERECTION – ELECTROMECHANICS TESTING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên công ty viết tắt: EMETC.,JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106458 thay đổi lần thứ 8, cấp ngày 24 tháng 09 năm 2014
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 434-436 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.35543839
- Số Fax: 04.35543790
- Website: www.emetc.com.vn
- Mã cổ phiếu: LCD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Lắp máy - Thí Nghiệm Cơ Điện với tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật Lắp máy (sau gọi tắt là Trung tâm) thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam. Công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, Để có được vị trí như ngày hôm nay không phải là điều dễ dàng, đó là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên công ty.

Chặng đường hình thành và phát triển của công ty được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng:

- Năm 1980: Thành lập trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy
- Năm 1993: Đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và thí nghiệm cơ điện
- Năm 1996: Đổi tên thành công ty Lắp máy và thí nghiệm cơ điện

- Ngày 08 tháng 01 năm 2004: Bộ Xây Dựng có quyết định số 54 /QĐ-BXD cổ phần hoá Công ty Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam thành Công ty Cổ Phần lắp máy và thí nghiệm cơ điện với số vốn điều lệ là: 5.600.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.903.600.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 2.696.400.000 đồng (Chiếm 48,15%). Công ty cổ phần Lắp máy và Thí Nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Ngày 15 tháng 01 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất do thay đổi giám đốc và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Ngày 04 tháng 07 năm 2007 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty Cổ Phần LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 6.999.750.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 6.500.250.000 đồng (Chiếm 48,15%).

- Ngày 13/03/2008: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội về số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi - Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.

- Ngày 08 tháng 10 năm 2010: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 737/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện. Ngày 15/11/2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện (Mã chứng khoán: LCD) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 31 tháng 08 năm 2011: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 4, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Kinh doanh bất động sản, tư vấn bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

- Ngày 13 tháng 04 năm 2012: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 5. Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Sản xuất các phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.....

- Ngày 04 tháng 01 năm 2013: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 6, Công ty bổ sung vốn điều lệ từ 13.500.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng

- Ngày 06 tháng 06 năm 2014: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 7, Công ty thay đổi tên công ty từ Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện sang Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện.

- Ngày 24 tháng 09 năm 2014 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 8.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của công ty:

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty mà pháp luật cho phép. Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

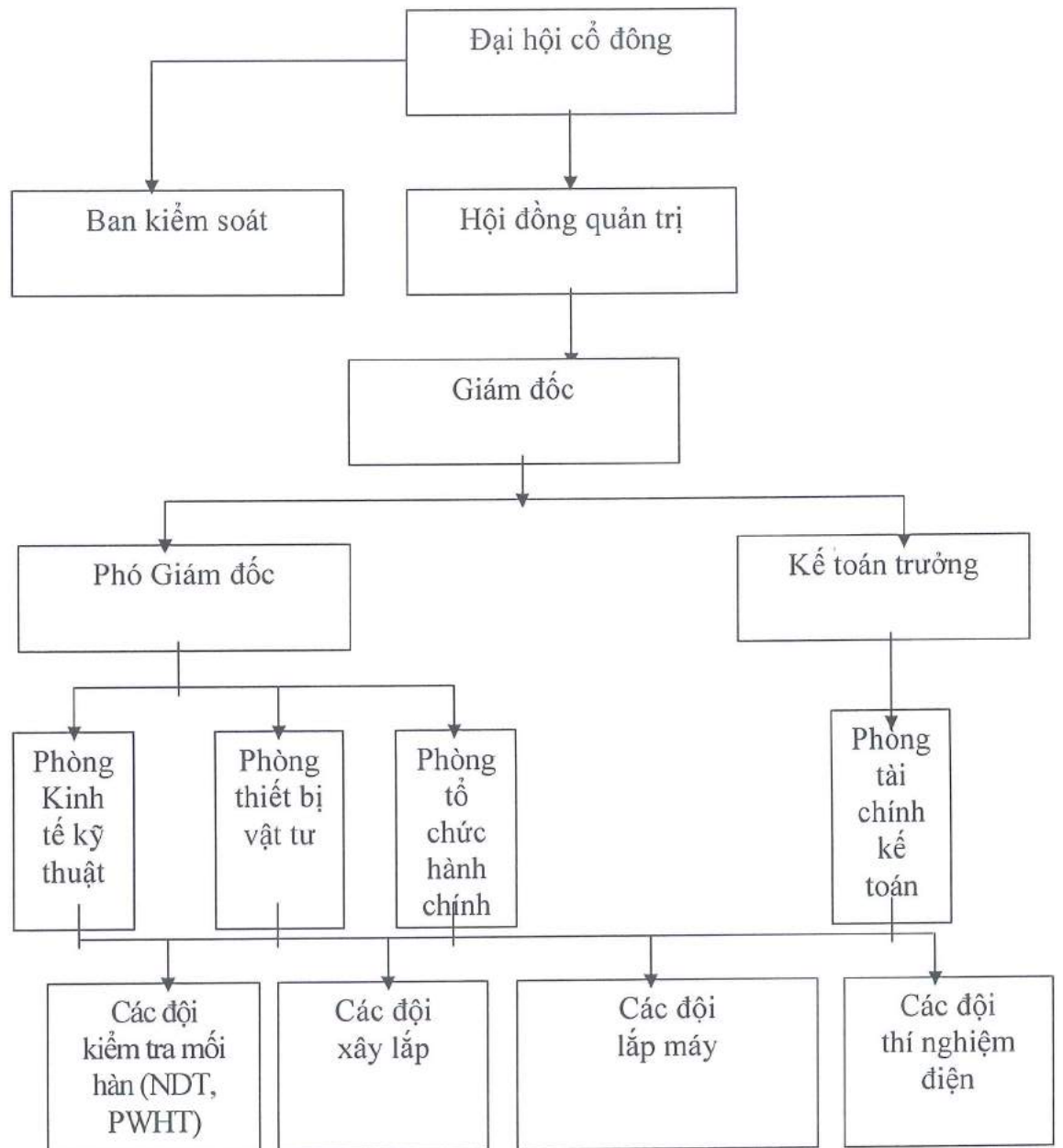
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Lắp đặt điện, nước, thiết thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.
- Kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh:

Với chức năng, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn kinh doanh của công ty trải khắp các vùng miền trong cả nước, tham gia thi công xây lắp tất cả các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng... Trong thời gian tới, công ty dự định mở rộng địa bàn hoạt động ra nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành - đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban và đội trưởng các công trình



Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu của Công ty trong dài hạn theo định hướng trong Đề án Tái cấu trúc công ty là: Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh trong lĩnh vực Thí nghiệm kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT), thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, hướng đến trở thành công ty hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực kiểm tra NDT và thí nghiệm điện.

Năm 2015 Công ty tập trung vào 2 mục tiêu lớn là:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, xác định sơ đồ tổ chức giai đoạn 2015 – 2016 của toàn Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo 2015, nội dung đào tạo theo các hình thức khác nhau đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu

cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục thực hiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Đối với các hoạt động SXKD:

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD. Tiếp tục nâng cao năng lực và làm tốt công tác thị trường – Marketing cho cả 2 lĩnh vực xây lắp và kiểm tra không phá hủy cả trong nước và ngoài nước.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, và đề ra các kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành về sắp xếp và chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển đổi căn bản về năng lực quản lý của Công ty
- Tăng trưởng cao mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư chiều sâu để tiếp tục phát huy những thế mạnh về các công việc sở trường truyền thống của Công ty trong những năm qua đó là công tác thí nghiệm điện và công tác kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy NDT.
- Tăng cường đầu tư, hợp tác đầu tư, tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề và phạm vi kinh doanh, dịch chuyển cơ cấu kinh doanh, nghiên cứu và mạnh dạn phát triển thêm một số công việc khác: sản xuất các tủ bảng điện, máng cáp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, kết cấu thép...

b. Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp

c. Công tác đời sống của CBCNV:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu nâng mức thu nhập bình quân hàng tháng đạt và vượt 5.500.000 đồng/người/tháng.

- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

4. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh toán

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

c. Rủi ro giá

Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giữa thời điểm ký hợp đồng và thời điểm thi công

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác / chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Trong những năm gần đây, với chức năng và nhiệm vụ của mình, công ty đã thực hiện và hoàn thành nhiều công trình lớn, quan trọng như : nhà máy nhiệt điện Uông Bí, nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhà máy thủy điện Sơn La, nhà máy xi măng Bỉm Sơn, nhà máy xi măng Sông Thao, nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, nhà máy nhiệt điện Mông Dương, khu công nghiệp Formosa Hà Tĩnh, LD Nghi Sơn, NĐ Thái Bình...Đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có khả năng kế thừa và phát triển để đảm nhận quản lý và thực hiện những dự án có quy mô lớn.

Mặc dù năm 2015 nền kinh tế có nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt, hoạt động kinh doanh đạt lợi nhuận cao. Năng lực và uy tín của Công ty đối với các chủ đầu tư, đối tác, khách hàng đã được khẳng định và nâng lên một tầm cao mới.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015 (Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	111.846.216.763
2	Tổng doanh thu	75.314.742.511
3	Lợi nhuận trước thuế	2.551.872.985
4	Nộp ngân sách	4.270.120.705
5	Thu nhập bình quân	7.141.004
6	Đầu tư	13.739.784.800
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	7.5%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015 (Đồng)	Thực hiện năm 2015 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	105.000.000.000	111.846.216.763	106,52%
2	Tổng doanh thu	70.000.000.000	75.314.742.511	107,59%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.800.000.000	2.551.872.985	91,14%

4	Nộp ngân sách	4.742.000.000	4.270.120.705	90,05%
5	Thu nhập bình quân	5.500.000	7.141.004	129,84%
6	Đầu tư	17.216.000.000	13.739.784.800	79,81%
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	7.5%	7.5%	100%

- Thuận lợi

- Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của các đối tác, các cơ quan chính quyền địa phương TP Hà Nội và các địa phương nơi công ty thi công.
- Sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Quê quán	Số CP sở hữu
1	Hoàng Văn Lít	09/01/1970	Kỹ sư điện	TGD	Đông Anh – Hà Nội	45.555
2	Nguyễn Thành Đại	21/06/1979	Kỹ sư điện	PTGD	Hà Đông – Hà Nội	5000
3	Nguyễn Sỹ Thành	21/12/1976	Kỹ sư điện	PTGD	Tuy Hòa - Hải Dương	5000
4	Lê Văn Định	17/07/1970	Kỹ sư điện	PTGD	Ứng Hòa – Hà Nội	0
5	Vũ Hoàng Tùng	05/07/1985	Cử nhân kinh tế	KTT	Bà Triệu – Hà Nội	189.386

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2015 công ty CP lắp máy – TNCD có sự thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Lê Văn Định Phó Tổng giám đốc Bỏ nhiệm ngày 10/07/2015
- Bà Vũ Thị Thúy Giang Kế toán trưởng Miễn nhiệm ngày 06/08/2015
- Ông Vũ Hoàng Tùng Kế toán trưởng Bỏ nhiệm ngày 10/08/2015

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động đến 31/12/2015 là 356 người; Trong đó

- Hợp đồng dài hạn là: 262 người
- Hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là: 94 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

- Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua,
- Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
- Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất năm 2015 là 17.216.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện được với giá trị là 13.739.784.800 đồng, đạt 79,81% so với kế hoạch năm.

Việc đầu tư của Công ty thực hiện bằng 80% vốn vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN Trảng An và 20% bằng vốn tự có của Công ty

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

Trên cơ sở nhận định khách quan, sát thực về cơ hội và thách thức, bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, Công ty đã đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, phù hợp; lãnh đạo và điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế, đặc biệt nắm bắt, khai thác các cơ hội một cách hiệu quả. Trong những thời điểm khó khăn nhất về vốn của thị trường Việt Nam, Công ty vẫn kiểm soát được tài chính, đảm bảo được vốn cho hoạt động. Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, cho các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ, các đơn vị thi công của Công ty đúng tiến độ và kế hoạch. Một số chỉ tiêu đánh giá tài chính trong năm như sau:

a. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Đồng)	Năm 2015 (Đồng)	% tăng, giảm so với năm 2014
Tổng giá trị tài sản	55.989.278.413	82.277.511.730	146,95%
Doanh thu thuần	51.835.543.046	75.314.742.511	145,30%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.148.523.078	2.582.363.613	120,19%
Lợi nhuận khác	(66.679.242)	(30.490.628)	45,73%
Lợi nhuận trước thuế	2.081.843.836	2.551.872.985	122,58%
Lợi nhuận sau thuế	1.608.062.382	1.981.989.440	123,25%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8.5%	7.5%	88,24%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ-Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.17	1.10	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.59 1.41	0.71 2.46	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6.70 0.93	3.22 0.92	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.03 0.07 0.03	0.03 0.08 0.03	

	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.04	0.03	
--	--	------	------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần công ty hiện có là 1.500.000 trong đó có 55 cổ phiếu quỹ và 26.000 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông cá nhân

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Trần Văn Hưng	192.777	12.85
2	Vũ Hoàng Tùng	189.386	12.63
3	Vũ Thị Thúy Giang	110.935	7.4
4	Lê Thị Hà	78.761	5.25
5	Hoàng Văn Lít	45.555	3.04
6	Các cá nhân khác	339.682	22.65

- Cổ đông tổ chức/nhà nước

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	124 Minh Khai, Hà Nội	0100106313	542.750	36.18
2	Công CP Chứng khoán An Bình	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	23/GCNTVLK	11	0.0007
3	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	101 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	02/GCNTVLK	11	0.0007
4	Công ty TNHH CK NHTMCP VN Thịnh Vượng	362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	30/GCNTVLK	77	0.005
5	Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	434-436 Nguyễn Trãi – Trung Văn	0100106458	55	0.004

		- Nam Từ Liêm – HN			
--	--	-----------------------	--	--	--

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2015 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

- **Chứng khoán khác:**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Tiêu thụ trực tiếp: 289.283 kw

- Tiêu thụ gián tiếp: 44.494 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1% tổng năng lượng sử dụng thông qua chương trình tiết kiệm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước sạch Hà Đông

- Sử dụng: 317 khối

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 356 người

- Mức lương bình quân: 7.141.004 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn phúc lợi của người lao động

- Đảm bảo đủ việc làm cho cán bộ công nhân viên, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập cho người lao động

- Thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, thăm hỏi trợ cấp kịp thời cho CBCNV

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Hoạt động đào tạo:

- Đào tạo chứng chỉ kiểm tra chất lượng môi hàn bằng phương pháp không phá hủy NDT tại Trung tâm đánh giá không phá hủy NDE: 110 chứng chỉ. Trong đó:
 - Cấp mới: 72 chứng chỉ
 - Gia hạn: 38 chứng chỉ
- Đào tạo chứng chỉ An toàn bức xạ trong công nghiệp tại Trung tâm đánh giá không phá hủy NDE: 38 chứng chỉ

Công ty cũng lập kế hoạch đào tạo chứng chỉ chuyên môn trong nước và quốc tế khác cho một số cán bộ có năng lực để bổ sung và tăng cường khả năng sản xuất và sức cạnh tranh của công ty

- Chương trình phát triển năng lực người lao động:

Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương, tích cực tham gia các hoạt động phong trào giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện và ủng hộ tại địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015(Đồng)	Thực hiện năm 2015(Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với 2014
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	105.000.000.000	111.846.216.763	106,52%	144%
2	Tổng doanh thu	70.000.000.000	75.314.742.511	107,59%	145,30%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.800.000.000	2.551.872.985	91,14%	122,58%
4	Nộp ngân sách	4.742.000.000	4.270.120.705	90,05%	110,40%
5	Thu nhập bình quân	5.500.000	7.141.004	129,84%	143,17%
6	Đầu tư	17.216.000.000	13.739.784.800	79,81%	768,49%
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	7.5%	7.5%	100%	88%

- *Những tiến bộ công ty đã đạt được*

a. Về công tác tổ chức và quản lý:

- Năm 2015 nhân sự bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty tiếp tục được bổ sung và kiện toàn, năng lực quản lý tiếp tục nâng cao đáp ứng yêu cầu quản lý tốt các hoạt động của Công ty.
- Nguồn nhân lực được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nhân lực được thực hiện theo quy trình phù hợp có tính kế hoạch cụ thể và đạt được kết quả tích cực..
- Sửa đổi, xây dựng mới và ban hành một số quy chế, điều lệ, quy định quản lý nội bộ đã góp phần tích cực, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Công ty.
- Công tác đào tạo nhân lực được quan tâm đầu tư kinh phí, lập kế hoạch và thực hiện tốt một số khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo và CB CNV. Các phòng, ban và đơn vị đã quan tâm thực hiện công tác đào tạo tại chỗ theo định hướng của Công ty.
- Công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được chú trọng và thực hiện ngày một tốt hơn.

b. Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện chính sách đối với CB CNV

- Mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn của nền kinh tế, việc cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm việc làm, trong năm 2015 Công ty vẫn đáp ứng đủ việc làm cho hầu hết cán bộ công nhân viên, điều kiện làm việc tiếp tục được quan tâm và cải thiện tích cực.
- Thu nhập và đời sống CB CNV được quan tâm và nâng cao thông qua tiền lương, tiền thưởng, mức thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 7.141.004 đồng/người/tháng,
- Các chính sách, chế độ của người lao động được quan tâm và giải quyết kịp thời, quyền lợi được đảm bảo.

c. Các mặt công tác khác

- Các mặt công tác khác như: Tài chính kế toán, Kỹ thuật công nghệ, Quản lý vật tư thiết bị được triển khai đồng bộ có tính kế hoạch cao và đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục CBCNV có ý thức chấp hành nghiêm túc chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, điều lệ của Công ty. Nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật cho toàn thể nhân viên trong Công ty.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.
- Quản lý thanh quyết toán cho các đội công trình đúng theo quy chế đã ban hành, kịp thời đúng chế độ
- Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, kiểm toán kịp thời vào thời điểm kết thúc năm tài chính góp phần duy trì tài chính Công ty lành mạnh và ổn định.
- Lãnh đạo công ty đã quan tâm triệt để đến công tác an toàn lao động, chỉ đạo Ban an toàn lao động công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn, tổ chức cho các CBCNV đi

công tác các công trình được học tập đầy đủ các bước an toàn trước khi làm việc. Xây dựng mạng lưới an toàn viên từ công ty đến các đội công trình, tổ sản xuất, thường xuyên cử các cán bộ an toàn tham gia các khoá đào tạo về an toàn, đặc biệt là công tác an toàn trong lĩnh vực thí nghiệm điện và kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra về công tác ATLĐ tại các công trình. Tổ chức thực hành các trường hợp khẩn cấp đặc biệt với công tác NDT tại các công trình mà công ty tham gia xây dựng.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	41.34% 58.65%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	71.12% 28.88%
3	Khả năng thanh toán - Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả - TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1.41% 1.10% 0.33%
4	Tỷ suất lợi nhuận a. Lợi nhuận/doanh thu - LN trước thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác - LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác b. Lợi nhuận/Tổng tài sản - LN trước thuế/Tổng tài sản - LN sau thuế/Tổng tài sản c. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	3.39% 2.63% 3.10% 2.41% 8.34%

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

- Hệ số thanh toán: Tổng tài sản/tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2015 là 1,41 > 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên hệ số thanh toán: tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 2.63%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 8.34%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 2.41%.
- Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, kiểm tra của hội đồng quản trị, năng lực điều hành của ban giám đốc cũng như đảm bảo sự độc lập tương đối giữa 2 bộ máy này, trong năm 2015 với sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông, công ty tách riêng giữa quản trị công ty và bộ máy điều hành. Chính sự tách biệt này đã giúp cho công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ mọi hoạt động SXKD và đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời. Cũng trong năm 2015, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn như: Quy chế khoán sản phẩm và các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao vật tư; quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi, quy định về quản lý nhân lực...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2016:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, không ngừng kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo năm 2016, nội dung và hình thức đào tạo phong phú đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho công tác quản lý và điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.- Quan tâm chính sách đối với người lao động, xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Trong lĩnh vực SXKD

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, khả năng thu xếp vốn của bên A, xây dựng và điều hành tốt kế hoạch hàng kỳ. Tiếp tục nâng cao năng lực công tác thị trường - Marketing cho lĩnh vực sxkd cả trong nước và nước ngoài, thực hiện tốt các hợp đồng, các dự án có hàm lượng kỹ thuật cao.
- Khai thác hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.

- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.
- Nâng cao khả năng phân tích, dự báo để lập kế hoạch và thực hiện thu mua, vật tư, thiết bị do bên A cung cấp.
- Thúc đẩy việc nâng cao năng lực, quy mô SXKD của các đơn vị, các tồn tại, yếu kém trong SXKD cần phải sớm được khắc phục.

4.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch năm 2016:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016 (Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	128.000.000.000
2	Tổng doanh thu	85.000.000.000
3	Lợi nhuận	2.200.000.000
4	Nộp ngân sách	4.600.000.000
5	Thu nhập bình quân	7.200.000
6	Đầu tư máy móc, thiết bị	4.019.000.000

4.3 Các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu KH năm 2016:

Trên cơ sở đánh giá phân tích, Ban lãnh đạo Công ty nhận định năm 2016 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng sẽ còn tiếp diễn những khó khăn. Để hoàn thành được các nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2016 đã đặt ra Công ty cần tiến hành đồng thời một số giải pháp nhằm chủ động ứng biến, trong đó giải pháp tổng quát cho mục tiêu phát triển như sau:

- Một là: Cập nhật và nắm bắt kịp thời diễn biến thực tế của nền kinh tế và các chính sách của Nhà nước để có dự báo phù hợp, từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch hàng kỳ theo kế hoạch tổng quát năm, chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Hai là: Hoàn thiện mô hình tổ chức trong Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy tại các đơn vị, tối ưu hóa việc sản xuất, kinh doanh theo hướng tăng năng suất chất lượng, tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí nhằm giảm tối đa chi phí, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.
- Ba là: Phát huy yếu tố con người là trung tâm của mọi hoạt động, là nguồn lực quyết định cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty.

a. Nhóm giải pháp cho công tác tổ chức quản lý:

- Xây dựng chính sách khoa học phù hợp đối với người lao động để phát huy năng lực làm việc của CBCNV cũng như thu hút, bổ sung lao động có chất lượng cao.

- Thực hiện tốt hơn công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo tại chỗ, bổ nhiệm những người có năng lực vào vị trí nhân sự chủ chốt tại Công ty và các đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Triển khai tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua để người lao động có cơ hội phát huy hết những năng lực của mình.

b. Nhóm các giải pháp cho hoạt động SXKD:

- Tập trung thu hồi vốn đối với những công nợ phải thu đã đến hạn.
- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cung cấp vốn cho nhu cầu sản xuất
- Công ty phải chủ động thường xuyên rà soát lại danh mục hợp đồng xây lắp và kiểm tra, thí nghiệm để ưu tiên cho những hợp đồng có thể thu hồi vốn nhanh, chủ động đàm phán với các chủ đầu tư về tiến độ đối với các hợp đồng đang gặp khó khăn về vốn.
- Bổ sung nhân sự và làm tốt công tác nghiên cứu thị trường, phân tích lựa chọn thị trường, lợi thế, mở rộng thị trường, chiến lược sản phẩm cho mỗi lĩnh vực kinh doanh.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ đã đầu tư để nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, nâng cao hình ảnh của Công ty với các chủ đầu tư tăng sức cạnh tranh.
- Quy định trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân về chất lượng công trình bàn giao cho bên A, đảm bảo quản lý chất lượng tất cả các công trình do Công ty thực hiện.

c. Nhóm các giải pháp về đầu tư và hợp tác đầu tư:

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cho kế hoạch đầu tư.
- Phân tích, nghiên cứu cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư - Mở rộng đầu tư có chọn lọc trong lĩnh vực đang đầu tư và lĩnh vực mới có đủ điều kiện, phát huy lợi thế và hiệu quả cao.
- Hợp tác đầu tư với đơn vị đối tác trong và ngoài nước có tiềm năng nhằm nâng cao năng lực quản trị, tận dụng phát huy công nghệ, vốn và lợi thế của đối tác.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam, kinh tế khu vực có nhiều biến động phức tạp và khó lường, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 2016 của Công ty đề ra là rất lớn, phát huy thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua, với tinh thần Đoàn kết - Năng động và Sáng tạo, tập thể Ban lãnh đạo cùng CB CNV toàn Công ty nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách quyết tâm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2016 đã đề ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của nhà nước và địa phương trong việc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, các công trình thi công tại nhà máy tiết kiệm năng lượng, giữ gìn và bảo vệ môi trường

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo quyền lợi của người lao động như luật an toàn vệ sinh lao động, thực hiện chế độ thời giờ làm việc và nghỉ ngơi. Công ty hướng tới việc xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn chấp hành tốt mọi quy định về luật bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2015 là năm có nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện nói riêng. Với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các mục tiêu và sự tin tưởng, nỗ lực cố gắng của các đơn vị toàn Công ty.

Công tác đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đã đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Tuy công tác thu hồi vốn trong năm đã gặp không ít những khó khăn từ phía chủ đầu tư nhưng các khoản thanh toán cho tất cả các đối tượng công nợ đều được kịp thời. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong tình hình khó khăn đã dự báo và dự đoán được một số tình hình và tập hợp được sức mạnh của phần lớn cán bộ nên công việc của Công ty được giải quyết 1 cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bước đầu đã giải quyết được một số vấn đề tồn tại. Hoạt động của BGD đúng theo sự chỉ đạo, điều lệ công ty. BGD chỉ đạo sxkd đúng theo nghị quyết hội đồng quản trị đưa ra. BGD đã triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những cố gắng trên còn một số vấn đề cần quan tâm như: Cần kiên quyết hơn trong điều hành với mục tiêu đề ra và phân công, phân cấp kiểm tra công việc đảm bảo cho bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2016 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua. Công ty sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi, cơ hội để tiếp tục đầu tư, xây dựng và phát triển, đồng thời Công ty sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế mang lại, khắc phục khó khăn nội tại của Công ty, vận dụng thời cơ trong hoạt động SXKD và đầu tư để tiếp tục tăng trưởng, tiếp tục thành công.

Năm 2015 Công ty tập trung vào 4 mục tiêu lớn là:

- Tạo đủ công ăn việc làm cho CB CNV, tăng trưởng ổn định, kiểm soát tốt tình hình tài chính, đạt lợi nhuận tối thiểu trên vốn là 25%.
- Thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư thận trọng, hiệu quả, lộ trình chuẩn bị cho giai đoạn đầu tư sau khi nền kinh tế phục hồi.

- Hoàn thành xây dựng chiến lược Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của hệ thống, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo cùng với việc xây dựng văn hóa Công ty để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện tại và phát triển giai đoạn tiếp theo.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2015	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch HĐQT	10.000	0.67
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	45.555	3.04
3	Vũ Thị Thuý Giang	Thành viên HĐQT	110.935	7.4
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4.844	0.32
5	Lê Thị Hà	Thành viên HĐQT	78.761	5.25

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó: 02 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành:

Nguyễn Đình Bảo - Chủ tịch HĐQT

Giới tính : Nam

Số CMTND : 010410906 Ngày cấp: 15/07/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày sinh : 14/10/1958

Nơi sinh : Quảng Phú – Gia Lương – Hà Bắc

Quê quán : Quảng Phú – Gia Lương – Hà Bắc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 22, ngõ 543 đường Giải Phóng – Giáp Bát – Hoàng Mai – Hà Nội

Trình độ văn hoá : Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng

Quá trình công tác:

❖ Năm 1981 – 1992: Cán bộ phòng KH công ty CP Lilama - TNCĐ

❖ Năm 1993-1996: Trưởng phòng KH công ty CP Lilama - TNCĐ

❖ Năm 1997-12/2000: Trưởng phòng KT – KT Công ty CP Lilama - TNCĐ

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 07/2001- 12/2002: Phó phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 01/2003 –03/2004: Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 04/2004- 2006: Kế toán trưởng- trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2006 – 6/8/2015: Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Lắp máy- Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2006 – 31/12/2015: Thành viên HĐQT

Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam
Số CMND:	011614921 ngày cấp: 14/03/2012 nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	16/11/1970
Nơi sinh	Hà Nội
Quê quán	Hoàn Kiếm - Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 6 Giang Ngự – Hà Nội.
Số điện thoại liên lạc:	0913.383.388
Trình độ văn hoá	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1994 – tháng 5/1996 : Kỹ sư - Kỹ Thuật Xí nghiệp lắp máy 69-3 (NM XM Hoàng Thạch)
- Từ tháng 6/1996 – tháng 2/2008: Kỹ sư cơ khí Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- Tháng 12/2008: Phó trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- Tháng 4/2009: Trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện.
- Tháng/2009 đến nay: Trưởng phòng tổ chức hành chính – TV HĐQT Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

Lê Thị Hà - Thành viên HĐQT

Giới tính	Nữ
Số CMND:	012939832 ngày cấp: 22/03/2007 nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	20/08/1968
Nơi sinh	Hà Nam
Quê quán	Bảo Lộc – Thanh Châu - Phú lý - Hà Nam

Quốc tịch Việt Nam
 Dân tộc Kinh
 Địa chỉ thường trú 124C Minh Khai – Hà Nội.
 Số điện thoại liên lạc:
 Trình độ văn hoá Đại học
 Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 7/1989 – Tháng 9/2015: Nhân viên phòng kế toán – Công ty cổ phần Lắp máy – TNCD
- ❖ Tháng 10/2015 – đến nay: Phó phòng tổ chức hành chính

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HDQT không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2015 thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ sự chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám Đốc tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước, đôn đốc thực hiện việc chỉ đạo SXKD đúng với nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HDQT

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đình Bảo	CT HDQT	25	100%	
2	Ông Hoàng Văn Lít	TV HDQT	25	100%	
3	Bà Vũ Thị Thúy Giang	TV HDQT	25	100%	
4	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HDQT	25	100%	
5	Bà Lê Thị Hà	TV HDQT	25	100%	

- Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	08/2015/NQ-HDQT	08/01/2015	- Kết quả SXKD năm 2014 - Kế hoạch SXKD quý I năm 2015
2	10A/2015/NQ-HDQT	10/01/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị kiểm tra khuyết tật siêu âm và bộ giao tiếp Hart – Gói thầu số 7 thuộc Dự án 01
3	25/2015/NQ-HDQT	28/01/2015	Dự án đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển phục vụ

			hoạt động của Công ty - Gói thầu số 2 Dự án 01
4	28/2015/NQ-HĐQT	02/02/2015	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động của Công ty – Gói thầu số 2 Dự án 01
5	49/2015/NQ-HĐQT	13/02/2015	Nghị quyết điều chỉnh lương cho cán bộ lãnh đạo Công ty
6	74/2015/NQ-HĐQT	06/03/2015	- Chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2015 - Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014
7	126/2015/NQ-HĐQT	19/03/2015	Nghị quyết điều chỉnh nâng tổng mức đầu tư gói thầu xe ô tô 7 chỗ phục vụ CBCNV - Dự án số 2
8	142/2015/NQ-HĐQT	27/03/2015	Nghị quyết đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty- Dự án số 3
9	143/2015/NQ-HĐQT	27/03/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc gói thầu xe ô tô 7 chỗ phục vụ CBCNV- Dự án số 2
10	164/2015/NQ-HĐQT	03/04/2015	- Kết quả thực hiện SXKD quý I năm 2015 - Kế hoạch SXKD quý II năm 2015 - Chương trình tổ chức đại hội cổ đông TN năm 2015
11	173/2015/NQ-HĐQT	10/04/2015	Nghị quyết thay đổi máy xử lý nhiệt 3 kênh thành máy xử lý nhiệt 6 kênh - Dự án số 3
12	182/2015/NQ-HĐQT	17/04/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp hợp bộ thử nghiệm máy biến áp – Gói thầu số 8 Dự án số 1
13	183/2015/NQ-HĐQT	17/04/2015	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị NDT và thiết bị thí nghiệm - Dự án số 3
14	196/2015/NQ-HĐQT	22/04/2015	- Nghị quyết ban hành quy chế về quản trị Công ty - Nghị quyết ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phối hợp hoạt động của HĐQT và ban điều hành Công ty
15	202/2015/NQ-HĐQT	24/04/2015	Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2015
16	247/2015/NQ-HĐQT	15/05/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ ghi nhiệt độ - Gói thầu số 03 Dự án số 03
17	276/2015/NQ-HĐQT	22/05/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bàn quay 50 feet và thiết bị đo độ cứng – Gói thầu số 01 Dự án số 03

18	277/2015/NQ-HĐQT	22/05/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị xử lý nhiệt mỗi hàn 6 kênh – Gói thầu số 02 Dự án số 03
19	278/2015/NQ-HĐQT	22/05/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị nhiệt luyện mỗi hàn 65KVA – Gói thầu số 06 Dự án số 01
20	360/2015/NQ-HĐQT	09/06/2015	Nghị quyết bổ sung nguồn vốn đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh - Dự án số 03
21	393/2015/NQ-HĐQT	03/07/2015	- Kết quả thực hiện SXKD quý II năm 2015 - Kế hoạch SXKD quý III năm 2015.
22	394/2015/NQ-HĐQT	03/07/2015	Nghị quyết sửa đổi quy chế khoán Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
23	395/2015/NQ-HĐQT	03/07/2015	Nghị quyết nâng bậc lương cho Tổng Giám đốc
24	396/2015/NQ-HĐQT	03/07/2015	Nghị quyết bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
25	397/2015/NQ-HĐQT	03/07/2015	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị gói thầu số 9 và số 11 thuộc dự án số 1
26	456/2015/NQ-HĐQT	28/07/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ lập trình 6 kênh thuộc gói số 4 - Dự án số 3
27	452/2015/NQ-HĐQT	29/07/2015	- Bà Vũ Thị Thúy Giang thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng trong tháng 08/2015 - Ông Vũ Hoàng Tùng giữ chức vụ Kế toán trưởng
28	467/2015/NQ-HĐQT	05/08/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị đo điện trở đất, điện áp bước và đồng hồ mê gôm thuộc gói số 12 Dự án số 1
29	471/2015/NQ-HĐQT	05/08/2015	Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Vũ Thị Thúy Giang
30	472/2015/NQ-HĐQT	05/08/2015	Nghị quyết bổ nhiệm ông Vũ Hoàng Tùng chức danh Kế toán trưởng
31	598/2015/NQ-HĐQT	29/09/2015	Nghị quyết vay tín dụng Ngân hàng NN&PTNTVN – CN Trảng An
32	599/2015/NQ-HĐQT	29/09/2015	- Kết quả SXKD quý III năm 2015. - Kế hoạch SXKD quý IV năm 2015.

33	708/2015/NQ-HĐQT	21/10/2015	Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị xả tù ác quy thuộc gói số 9 - Dự án số 3
34	751/2015/BB-HĐQT	20/11/2015	Biên bản vay tín dụng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Đông
35	854/2015/NQ-HĐQT	31/12/2015	- Kết quả SXKD quý IV năm 2015 - Kế hoạch SXKD năm 2016 và Quý I năm 2016 - Dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2016
36	855/2015/NQ-HĐQT	31/12/2015	- Miễn nhiệm chức vụ HĐQT đối với bà Vũ Thị Thúy Giang kể từ ngày 01/01/2016 - Bổ nhiệm chức vụ HĐQT đối với ông Vũ Hoàng Tùng kể từ ngày 01/01/2016

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đề xuất các ý kiến và biểu quyết các vấn đề tại các cuộc họp HĐQT
- Thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT

2. Ban kiểm soát

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2015	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thúy Hồng	Trưởng BKS	0	0
2	Phan Trí Hùng	Thành viên BKS	11.833	0.79
3	Vũ Quang Hưng	Thành viên BKS	5.566	0.37

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS được quy định tại điều lệ công ty. Định kỳ BKS đã giám sát quá trình hoạt động của công ty để đưa ra những đánh giá kịp thời về công tác điều hành và quản lý của ban quản trị và ban tổng giám đốc

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó : cả 03 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành

Lê Thúy Hồng - Trưởng ban kiểm soát

Giới tính Nữ

Số CMND: 011852291 ngày cấp: 20/08/2011 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 10/11/1978

Nơi sinh Hà Nội
Quê quán Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú 87 Tô 9 Thanh Lương – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0913383160
Trình độ văn hoá Đại học
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ❖ Từ 2001 đến nay: Chuyên viên phòng kế toán – Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam (LILAMA)
- ❖ Từ Tháng 4/2012 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện

Phan Trí Hùng – Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nam
Số CMND: Ngày cấp: nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh 15/11/1967
Nơi sinh Hà Nội
Quê quán Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú 12 Đại La – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 0912.069.985
Trình độ văn hoá Đại học
Trình độ chuyên môn Kỹ sư tự động hóa

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 8/2006 đến tháng 12/2012: Kỹ sư phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 1/2013 – tháng 11/2013: Phó phòng kinh tế - kỹ thuật Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện
- ❖ Tháng 12/2013 đến nay: Trưởng phòng kinh tế - kỹ thuật , thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

Vũ Quang Hưng - Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nam
Số CMND: ngày cấp: nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh 13/10/1979

Nơi sinh Hà Nội
 Quê quán Hà Nội
 Quốc tịch Việt Nam
 Dân tộc Kinh
 Địa chỉ thường trú 98 tổ 4 Mai Động – Mai Động – Hoàng Mai – Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc: 0904.704696
 Trình độ văn hoá Đại học
 Trình độ chuyên môn Kỹ sư vật lý kỹ thuật

Quá trình công tác

- ❖ Từ tháng 3/2003: Kỹ sư kỹ thuật – NM NĐ Na Dương
- ❖ Từ 2006 - đến nay: Đội trưởng NDT số 6 – Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện

❖ 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 (ngày 24/04/2015) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

- Tiền lương một tháng của Chủ tịch HĐQT 22.200.000 đồng, thành viên HĐQT 1.3 lần lương tối thiểu vùng, Trưởng ban kiểm soát 1.3 lần, thành viên Ban kiểm soát 1 lần so với mức lương tối thiểu nhà nước quy định.

STT	Họ và tên	Thành phần	Thù lao/năm 2015	Tiền lương/năm 2015	Ghi chú
2	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		243.302.000	
3	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	47.070.000	196.158.000	
4	Nguyễn Sỹ Thành	Phó TGD		175.887.000	
5	Nguyễn Thành Đại	Phó TGD		105.733.000	
6	Lê Văn Định	Phó TGD		83.886.000	
7	Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng		69.525.000	
8	Vũ Thị Thúy Giang	Thành viên HĐQT	47.070.000	92.567.000	
9	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	47.070.000	129.859.000	
10	Lê Thị Hà	Thành viên HĐQT	47.070.000	69.233.000	
11	Lê Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	47.070.000		
12	Phan Trí Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	130.288.000	

13	Vũ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000		
14	Vũ Thị Thu Hoài	Thư ký HĐQT	35.100.000	57.336.000	
	Tổng cộng		340.650.000	1.353.774.000	

3.2 Giao dịch cổ phần của giao dịch nội bộ và những người có liên quan

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm(mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	
1	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch HĐQT	10.000	0.67	10.000	0.67	Đầu tư
2	Hoàng Văn Lít	TV HĐQT; TGD	45.555	3.04	45.555	3.04	Đầu tư
3	Vũ Thị Thúy Giang	TV HĐQT	110.935	7.4	110.935	7.4	Đầu tư
4	Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	14.844	0.99	4.844	0.32	Đầu tư
5	Lê Thị Hà	TV HĐQT	78.761	5.25	78.761	5.25	Đầu tư
6	Nguyễn Thành Đại	PTGD	17.403	1.16	5.000	0.33	Đầu tư
7	Nguyễn Sỹ Thành	PTGD	15.586	1.04	5.000	0.33	Đầu tư
8	Vũ Hoàng Tùng	Con TV HĐQT,KTT	0	0	189.386	12.63	Đầu tư
9	Phan Trí Hùng	TV BKS	11.833	0.79	11.833	0.79	Đầu tư
10	Vũ Quang Hưng	TV BKS	19.566	1.30	5.566	0.37	Đầu tư
11	Ngô Hương Lan	Vợ TV HĐQT	3.333	0.22	3.333	0.22	Đầu tư
12	Tổng công ty lắp máy Việt Nam	Cổ đông sáng lập	542.750	36.18	542.750	36.18	Tái cơ cấu

VI- Báo cáo Tài Chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY -
THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22
<i>Phụ lục số 01: Bảng thuyết minh tăng, giảm tài sản cố định</i>	23
<i>Phụ lục số 02: Bảng thuyết minh vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	24
<i>Phụ lục số 03: Bảng thuyết minh vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	25
<i>Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu</i>	26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ - BXD ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05 tháng 03 năm 2004 và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 08, ngày 24 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất);
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại;
- Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây chuyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Lắp đặt điện, nước, thiết bị thông gió, điều hòa không khí;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát tấm lợp, đá ốp lát đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 1.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tại thời điểm 31/12/2015 cơ cấu vốn góp như sau:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền tương ứng</u>	<u>Tỷ lệ/Vốn điều lệ</u>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	542.750	5.427.500.000	36,18%
Vốn góp của cổ đông khác	957.250	9.572.500.000	63,82%
	<u>1.500.000</u>	<u>15.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính:

Ông Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Vũ Thị Thúy Giang	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Hà	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Hoàng Văn Lít	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Định	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/07/2015
Bà Vũ Thị Thúy Giang	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 06/08/2015
Ông Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/08/2015

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Lê Thúy Hồng	Trưởng ban
Ông Phan Trí Hùng	Thành viên
Ông Vũ Quang Hưng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2015.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đình Bảo

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Lít

Số: ~~1237~~ /BCKT/TC/NV12

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện được lập ngày 02/02/2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



LÊ NGỌC KHUÊ

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0665- 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

A blue ink signature of Tổng Thị Bích Lan.

TỔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0060 - 2014 - 126 - 1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015 (**)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.259.480.701	34.652.905.349
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.697.212.907	4.181.611.038
1. Tiền	111	V.01	11.697.212.907	4.181.611.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.665.366.127	24.247.878.775
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	12.864.705.932	22.980.018.511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.301.969.895	993.140.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.939.934.036	784.979.062
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.441.243.736)	(510.258.998)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	18.896.901.667	6.223.415.536
1. Hàng tồn kho	141		18.900.417.667	6.226.931.536
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.516.000)	(3.516.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.018.031.029	21.336.373.064
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.016.120.058	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.016.120.058	-
II. Tài sản cố định	220		31.806.464.967	20.552.936.439
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	15.538.838.590	4.285.310.062
- Nguyên giá	222		37.793.783.146	24.277.452.867
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(22.254.944.556)	(19.992.142.805)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	86.610.203
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	86.610.203
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.195.446.004	696.826.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.195.446.004	696.826.422
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		82.277.511.730	55.989.278.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015 (**)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.514.406.198	32.772.402.833
I. Nợ ngắn hạn	310		43.952.827.848	29.621.284.322
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	360.140.422	90.246.542
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	8.064.266.929	1.729.969.549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	880.560.829	1.202.482.549
4. Phải trả người lao động	314		1.371.919.500	1.445.569.261
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	572.767.207	462.610.248
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	17.125.337.481	11.574.415.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	14.703.385.546	13.100.929.035
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		815.784.677	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		58.665.257	15.062.138
II. Nợ dài hạn	330		14.561.578.350	3.151.118.511
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.16	1.386.572.823	1.386.572.823
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	2.649.861.457	1.142.491.218
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	10.525.144.070	622.054.470
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.763.105.532	23.216.875.580
I. Vốn chủ sở hữu	410		23.763.105.532	23.216.875.580
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		480.719.788	400.316.669
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		(544.500)	(544.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.521.442.810	5.119.427.215
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.761.487.434	2.697.676.196
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		779.497.994	1.089.613.814
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		1.981.989.440	1.608.062.382
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		82.277.511.730	55.989.278.413

Ghi chú:

(*) Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

(**) Chi tiết số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo Thông tư 200 tại Thuyết minh IX.4 trang 22

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Phạm Thị Loan

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng



Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước (*)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	75.314.742.511	51.835.543.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.314.742.511	51.835.543.046
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	60.931.640.582	41.678.082.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.383.101.929	10.157.460.280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	25.860.686	14.630.409
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	1.545.876.895	1.286.815.672
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.545.876.631	1.286.732.324
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	10.280.722.107	6.736.751.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.582.363.613	2.148.523.078
11. Thu nhập khác	31		8.016.137	5.028.987
12. Chi phí khác	32		38.506.765	71.708.229
13. Lợi nhuận khác	40		(30.490.628)	(66.679.242)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.551.872.985	2.081.843.836
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.7	569.883.545	473.781.454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.981.989.440	1.608.062.382
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.8	1.189	965
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.189	965

(*) Chi tiết số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo Thông tư 200 tại Thuyết minh IX.4 trang 22

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Phạm Thị Loan

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng



Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	99.295.826.725	60.101.604.209
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(21.059.672.650)	(26.274.168.771)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(35.825.916.916)	(18.079.341.484)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.514.842.424)	(1.286.732.324)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(703.091.652)	(575.973.949)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.534.980.395	1.113.978.183
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.606.004.232)	(7.882.531.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.121.279.246	7.116.834.664
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21	(13.424.991.818)	(744.140.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	24.302.136	14.002.912
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.400.689.682)	(730.137.997)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	77.232.289.582	37.718.208.777
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(65.726.743.471)	(38.977.822.108)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.712.092.620)	(1.065.991.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.793.453.491	(2.325.604.691)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.514.043.055	4.061.091.976
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.181.611.038	119.974.913
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.558.814	544.149
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.697.212.907	4.181.611.038

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Loan

Vũ Hoàng Tùng

Hoàng Văn Lít

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ - BXD ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05 tháng 03 năm 2004 và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 08, ngày 24 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất);
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại;
- Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử màu và kiểm tra chân không;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây chuyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Lắp đặt điện, nước, thiết bị thông gió, điều hòa không khí;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát tấm lợp, đá ốp lát đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng

cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự trên cơ sở ước tính khả năng tổn thất có thể xảy ra ở mức thận trọng nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực

tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không trích khấu hao.

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa văn phòng, hoặc các chi phí khác.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông/của Hội đồng thành viên.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập

hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2015	01/01/2015
1 . Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	133.437.342	73.439.005
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.563.775.565	4.108.172.033
Cộng	11.697.212.907	4.181.611.038
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn		
a) Phải thu khách hàng	12.864.705.932	22.980.018.511
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	-	12.380.694.269
- Công ty TNHH Kumga Engineering Technology Service	1.741.387.065	-
- Phải thu khách hàng khác	11.123.318.867	10.599.324.242
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.729.149.445	18.390.776.821
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	-	12.380.694.269
- Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama	33.000.000	33.000.000
- Công ty CP Lilama 3	304.671.740	404.671.740
- Công ty CP Lilama 3.3	36.670.000	36.670.000
- Công ty CP Lilama 45-1	535.010.000	2.053.566.999
- Công ty CP Lilama 45-4	73.336.300	73.336.300
- Công ty CP Lilama 5	1.586.745.728	1.586.745.728
- Công ty CP Lilama 69-1	-	323.486.605
- Công ty CP Lilama 69-2	1.092.859.200	7.239.460
- Công ty CP Lilama 69-3	-	44.000.000
- Công ty CP Lilama Hà Nội	586.711.000	586.711.000
- Công ty CP Lilama 10	400.091.593	780.600.836
- Công ty CP Lilama 7	80.053.884	80.053.884
3 . Trả trước người bán ngắn hạn		
Trả trước cho người bán	1.301.969.895	993.140.200
- Công ty CP Sao Đại Dương	-	892.683.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật Sao Mai Việt Nam	-	22.990.000
- Công ty CP xây dựng & Thương mại 315	820.000.000	-
- Công ty TNHH Liftec Việt Nam	210.900.000	-
- Công ty TNHH Thủy Năm	123.585.000	-
- Trả trước cho người bán khác	147.484.895	77.467.200
4 . Phải thu ngắn hạn khác		
	31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
- Phải thu khác	389.587.689	-
+ Khác	389.587.689	-
- Tạm ứng	1.547.934.522	-
Cộng	1.939.934.036	784.979.062

5 . Nợ xấu	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.				
+ Trạm biến áp Lục Ngạn Bắc Giang	750.711.080	375.355.540	-	-
+ Công ty TNHH TM và Xây lắp Tín Nghĩa	162.426.317	48.727.895	212.426.317	106.213.158
+ Công ty CP Công nghệ Địa vật lý	39.002.639	-	39.002.639	-
+ Công ty CP thi công Cơ giới và LM dầu khí	201.157.000	-	201.157.000	-
+ Công ty CP Xi măng Mai Sơn	181.819.759	54.545.928	-	-
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại Long An	76.266.000	-	226.266.000	67.879.800
+ Công ty CP giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí Việt Nam	538.828.545	377.179.981	-	-
+ Công ty CP Lilama 3	304.671.740	-	-	-
+ Công ty CP Lilama 3.3	36.670.000	-	-	-
+ Công ty TNHH PTCN Sao Mai	5.500.000	-	5.500.000	-
Cộng	2.297.053.080	855.809.344	684.351.956	174.092.958

6 . Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	212.778.796	(3.516.000)	372.659.451	(3.516.000)
- Công cụ, dụng cụ	87.224.840	-	8.909.828	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.600.414.031	-	5.845.362.257	-
Cộng	18.900.417.667	(3.516.000)	6.226.931.536	(3.516.000)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ (31/12/2015): 3.516.000 đồng.

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (chi tiết xem phụ lục số 01 của Báo cáo này)

8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	16.267.626.377	16.267.626.377
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	16.267.626.377	16.267.626.377
Tại ngày cuối kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377

(*): Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 434 và 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo hai hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích là 341,2m²

9 . Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.195.446.004	653.314.206
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-	43.512.216
Cộng	1.195.446.004	696.826.422

10 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	360.140.422	360.140.422	90.246.542	90.246.542
- Công ty CP Sao Đại Dương	235.840.000	235.840.000	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	124.300.422	124.300.422	90.246.542	90.246.542

11 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.064.266.929	1.729.969.549
- Công ty CP hoá chất Đức Giang - Đình Vũ	-	181.229.400
- Công ty CP ĐT & DL Bình Minh	389.558.600	389.558.600
- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	-	272.888.099
- Công ty TNHH TM Kỹ thuật Xuân Hiếu	-	886.293.450
- Công ty CP địa ốc Star Hà Nội	125.928.000	-
- Công ty CP LILAMA 18	1.295.566.800	-
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam	6.252.416.639	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	796.890	-

12 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
- Thuế giá trị gia tăng	826.370.115	3.211.306.392	3.421.303.008	616.373.499
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	327.128.235	569.883.545	703.091.652	193.920.128
- Thuế thu nhập cá nhân	48.984.199	167.009.048	145.726.045	70.267.202
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	1.202.482.549	3.948.198.985	4.270.120.705	880.560.829

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép của bộ phận trực tiếp	454.543.000	315.000.000
- Trích trước chi phí công trình trạm bơm Yên Sở	87.190.000	-
- Trích trước chi phí công trình Vũng Áng	-	147.610.248
- Chi phí phải trả khác	31.034.207	-
Cộng	572.767.207	462.610.248

14 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2015	01/01/2015
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	403.319.364	500.213.812
- Phải trả phải nộp khác	16.722.018.117	11.074.201.188
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	125.200.390	562.339.760
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	16.596.817.727	10.511.861.428
Cộng	17.125.337.481	11.574.415.000

15 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Chi tiết xem phụ lục số 02 của Báo cáo này)

16 . Phải trả người bán dài hạn	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
a) Phải trả người bán dài hạn	1.386.572.823	1.386.572.823
- Công ty Cổ phần LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354
- Công Ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Duy	145.748.469	145.748.469
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.240.824.354	1.240.824.354
- Công ty Cổ phần LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354
17 . Phải trả dài hạn khác	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Phải trả đội thi công - Hoàng Ngọc Thịnh	636.734.637	636.734.637
- Phải trả đội thi công - Phạm Đình Hòa	206.514.435	206.514.435
- Phải trả đội thi công - Trần Văn Hưng	493.571.777	299.242.146
- Phải trả đội công trình Vững Áng - Chu Tất Thắng	885.701.977	-
- Phải trả dài hạn khác	427.338.631	-
Cộng	<u><u>2.649.861.457</u></u>	<u><u>1.142.491.218</u></u>
18 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Chi tiết xem phụ lục số 03 của Báo cáo này)		
19 . Vốn chủ sở hữu		
19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết xem phụ lục số 04 của Báo cáo này)		
19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	5.427.500.000	5.427.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	9.572.500.000	9.572.500.000
Cộng	<u><u>15.000.000.000</u></u>	<u><u>15.000.000.000</u></u>
19.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.274.953.250	1.499.945.000
19.4. Cổ phiếu	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	55	55
- Cổ phiếu phổ thông	55	55
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.945	1.499.945
- Cổ phiếu phổ thông	1.499.945	1.499.945
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
20 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
a. Ngoại tệ các loại		
- USD	1477,65	1501,06

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2015	01/01/2015
1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
a) Doanh thu		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	75.314.742.511	51.835.543.046
Cộng	<u><u>75.314.742.511</u></u>	<u><u>51.835.543.046</u></u>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	45.151.787.722	23.760.293.330
- Công ty CP Lilama 10	703.839.909	2.044.521.076
- Công ty CP Lilama 45-1	359.100.000	1.040.751.880
- Công ty CP Lilama 69-1	696.706.250	2.639.670.654
- Công ty CP Lilama 69-2	986.927.036	-
2 . Giá vốn hàng bán	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	60.931.640.582	41.678.082.766
Cộng	<u><u>60.931.640.582</u></u>	<u><u>41.678.082.766</u></u>
3 . Doanh thu hoạt động tài chính	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.302.136	14.002.912
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.558.550	627.497
Cộng	<u><u>25.860.686</u></u>	<u><u>14.630.409</u></u>
4 . Chi phí tài chính	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Lãi tiền vay	1.545.876.631	1.286.732.324
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	264	83.348
Cộng	<u><u>1.545.876.895</u></u>	<u><u>1.286.815.672</u></u>
5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>10.280.722.107</i>	<i>6.736.751.939</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.839.890.277	4.058.200.203
- Chi phí vật liệu quản lý	341.032.795	382.805.894
- Chi phí khấu hao TSCĐ	524.573.193	314.735.749
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	930.984.738	510.258.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.011.630.921	758.794.156
- Chi phí bằng tiền khác	1.632.610.183	711.956.939
6 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.357.492.314	17.273.514.193
- Chi phí nhân công	37.894.204.808	22.678.381.689
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.262.801.751	620.064.020
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.888.502.660	6.364.838.119
- Chi phí khác bằng tiền	3.633.428.192	1.196.855.291
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	930.984.738	510.258.998
Cộng	<u><u>83.967.414.463</u></u>	<u><u>48.643.912.310</u></u>

	31/12/2015	01/01/2015
7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	2.551.872.985	2.081.843.836
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	38.506.765	71.708.229
- Các khoản điều chỉnh tăng	38.506.765	71.708.229
+ <i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	38.506.765	71.708.229
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	2.590.379.750	2.153.552.065
d. Thuế TNDN = {(c)*thuế suất thuế TNDN}	569.883.545	473.781.454
8 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.981.989.440	1.608.062.382
b. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.981.989.440	1.608.062.382
c. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ Đại hội đồng cổ đông (*)	198.198.944	160.806.238
d. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.499.945	1.499.945
e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu = {(b)-(c)}/(d)	1.189	965
f. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.189	965
(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính theo công thức: - Số liệu kỳ này = Quỹ KTPL được chia năm 2014/LNST năm 2014* LNST năm 2015		

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Đơn vị tính: đồng
1 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	77.232.289.582
- Tiền thu từ đi vay từ kế ước thông thường:	77.232.289.582
2 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	65.726.743.471
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	65.726.743.471

IX . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2 . Thông tin về các bên liên quan

* Thủ lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký trong năm 2015

TT	Họ và tên	Chức danh	Phụ cấp	Đơn vị tính: đồng
				Tiền lương
1	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		243.302.000
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	196.158.000
3	Vũ Thị Thúy Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	92.567.000
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	129.859.000
4	Lê Thị Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	69.233.000
7	Lê Thúy Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	47.070.000	-
8	Phan Trí Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	130.288.000
9	Vũ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	-
10	Vũ Thị Thu Hoài	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	57.336.000
	Tổng cộng		340.650.000	918.743.000

3 . Báo cáo bộ phận*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Hiện tại, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và thí nghiệm điện được hoạt động trên các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

4 . Thông tin so sánh

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

Nội dung	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại lại	Đơn vị tính: đồng	
				Mã số	Số sau phân loại
- Bảng cân đối kế toán					
- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	23.788.458.192	459.420.583	130	24.247.878.775
- Phải thu ngắn hạn khác	138	325.558.479	459.420.583	136	784.979.062
- Tài sản ngắn hạn khác	150	459.420.583	(459.420.583)	150	-
- Tài sản ngắn hạn khác	158	459.420.583	(459.420.583)	155	-
- Tài sản cố định	220	20.639.546.642	(86.610.203)	220	20.552.936.439
- Tài sản dở dang dài hạn		-	86.610.203	240	86.610.203
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	86.610.203	-	242	86.610.203
- Quỹ đầu tư phát triển	417	4.435.278.636	684.148.579	418	5.119.427.215
- Quỹ dự phòng tài chính	418	684.148.579	(684.148.579)		-
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.072	(107)	70	965

Người lập biểu



Phạm Thị Loan

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

Phụ lục số 01: Tàng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: đồng	
						Cộng	
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư đầu kỳ	4.417.577.709	17.575.548.516	1.823.780.407	160.417.664	300.128.571		24.277.452.867
Số tăng trong kỳ	91.338.461	12.056.641.818	1.078.480.000	-	289.870.000		13.516.330.279
- <i>Mua trong kỳ</i>	91.338.461	12.056.641.818	1.078.480.000	-	289.870.000		13.516.330.279
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-		-
Số dư cuối kỳ	4.508.916.170	29.632.190.334	2.902.260.407	160.417.664	589.998.571		37.793.783.146
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	1.498.756.750	16.888.734.478	1.271.517.454	127.855.014	205.279.109		19.992.142.805
Số tăng trong kỳ	230.816.556	1.720.849.761	229.014.574	21.683.158	60.437.702		2.262.801.751
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	230.816.556	1.720.849.761	229.014.574	21.683.158	60.437.702		2.262.801.751
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-		-
Số dư cuối kỳ	1.729.573.306	18.609.584.239	1.500.532.028	149.538.172	265.716.811		22.254.944.556
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	2.918.820.959	686.814.038	552.262.953	32.562.650	94.849.462		4.285.310.062
Tại ngày cuối kỳ	2.779.342.864	11.022.606.095	1.401.728.379	10.879.492	324.281.760		15.538.838.590

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 10.560.477.430 đồng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 18.362.860.201 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	14.703.385.546	14.703.385.546	65.599.856.782	63.997.400.271	13.100.929.035	13.100.929.035
Vay ngắn hạn	14.534.625.546	14.534.625.546	65.599.856.782	63.843.000.271	12.777.769.035	12.777.769.035
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tràng An	13.791.839.223	13.791.839.223	64.857.070.459	63.843.000.271	12.777.769.035	12.777.769.035
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	742.786.323	742.786.323	742.786.323	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	168.760.000	168.760.000	-	154.400.000	323.160.000	323.160.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tràng An (*)	168.760.000	168.760.000	-	154.400.000	323.160.000	323.160.000
Cộng	14.703.385.546	14.703.385.546	65.599.856.782	63.997.400.271	13.100.929.035	13.100.929.035

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất vay	Số tiền vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tràng An	1305-LAV-201500761/HĐTD	9/21/2015	12 tháng	40.000.000.000	Lãi suất thả nổi	64.857.070.459	13.791.839.223	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 31449, đất số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	01/2015/134623/HĐTD	12/7/2014	12 tháng	15.000.000.000	Lãi suất thả nổi	742.786.323	742.786.323	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thế chấp tài sản trong dự án đầu tư số 1+3

(*) Chi tiết được thuyết minh tại phụ lục số 03 của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 03: Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tràng An	10.525.144.070	10.525.144.070	11.632.432.800	1.729.343.200	622.054.470	622.054.470
	10.525.144.070	10.525.144.070	11.632.432.800	1.729.343.200	622.054.470	622.054.470
Cộng	10.525.144.070	10.525.144.070	11.632.432.800	1.729.343.200	622.054.470	622.054.470

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay dài hạn:

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay dài hạn tại 31/12/2015	Dư nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tràng An	1305-LAV-201400527	10/17/2014	48 tháng	8.335.136.000	Thị trường	5.871.362.070	168.760.000	Mua sắm đầu tư tài sản cố định	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 31449, đất số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
	1305-LAV-201500230	4/14/2015	48 tháng	822.800.000	Thị trường	719.950.000		Mua sắm đầu tư tài sản cố định	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 647.38
	1305-LAV-201500631	8/21/2015	48 tháng	5.976.613.080	Thị trường	4.102.592.000		Mua sắm đầu tư tài sản cố định	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 31449, đất số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối và các quỹ	Đơn vị tính: đồng	
							Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	-	-	272.584.049	(544.500)	7.541.037.036		22.813.076.585
Tăng vốn trong năm trước	-	-	627.497	127.732.620	-	2.799.176.882		2.927.536.999
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.608.062.382		1.608.062.382
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	638.663.101		638.663.101
Tăng khác	-	-	627.497	127.732.620	-	552.451.399		680.811.516
Giảm vốn năm trước	-	-	627.497	-	-	2.523.110.507		2.523.738.004
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.021.860.961		1.021.860.961
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.499.945.000		1.499.945.000
Giảm khác	-	-	627.497	-	-	1.304.546		1.932.043
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	-	-	400.316.669	(544.500)	7.817.103.411		23.216.875.580
Tăng vốn trong kỳ	-	-	1.558.550	80.403.119	-	2.384.005.035		2.465.966.704
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.981.989.440		1.981.989.440
Tăng khác	-	-	1.558.550	-	-	-		1.558.550
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	80.403.119	-	402.015.595		482.418.714
Giảm vốn trong kỳ	-	-	1.558.550	-	-	1.918.178.202		1.918.178.202
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	643.224.952		643.224.952
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.274.953.250		1.274.953.250
Giảm khác	-	-	1.558.550	-	-	-		1.558.550
Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	-	-	480.719.788	(544.500)	8.282.930.244		23.763.105.532

(*) Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24/4/2015, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	402.015.595
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	80.403.119
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	160.806.238
- Chia cổ tức	1.274.953.250
Cộng	1.918.178.202

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

TM. Ban Tổng giám đốc
Tổng giám đốc



Hoàng Văn Lít



TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đình Bảo